TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án: 313/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Hoanh
2. Bà Nguyễn Thị Mừng

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên.

Vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 214/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc *"Ly hôn và tranh chấp con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HPT ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Ngọc H; trú tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Minh T; trú tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 21 tháng 6 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ ông Đặng Ngọc H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân:

Ông H và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 71/ĐKKH ngày 14 tháng 5 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Ông H và bà T chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cải vả nhau làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Thực tế vợ chồng đã nhiều lần gởi đơn xin ly hôn nhưng lại rút về, tuy nhiên vẫn không thể hòa hợp được.

Ông H nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Tại các văn bản ghi ý kiến của bà T (bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn, bà T cho rằng ngoài nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thời gian gần đây ông H có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác về nhà đánh đập bà. Tuy

nhiên, bà T muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nên không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Ông H khai vợ chồng có 02 con chung:

- Đặng Ngọc Minh T, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2003;
- Đặng Ngọc A, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2009.

Ông H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Đặng Ngọc Minh T, không yêu cầu bà T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Bà T công nhận vợ chồng có 02 con chung như ông H khai, nếu ông H cương quyết ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 2.000.000 đồng.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Ông H và bà T cùng khai tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án can thiệp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn ông H và bị đơn bà T thực hiện các quyền và nghĩa vụ kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T đều có lời khai thống nhất, phù hợp với tài liệu điều tra thể hiện cả hai xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 5 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đại Lộc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Ông H xin được ly hôn với bà T nhưng bà không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, trước đây giữa ông H và bà T đã nhiều lần gởi đơn xin ly hôn nhưng lại rút đơn về tiếp tục chung sống, tuy nhiên vẫn không thể hòa hợp được. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, nên chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà T là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông H và bà T khai thống nhất có 02 con chung là Đặng Ngọc Minh T, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2003 và Đặng Ngọc A, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2009. Các cháu T và A có nguyện vọng ở với mẹ, bà T cũng có nguyện vọng nuôi các cháu T và A.

Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con vị thành nên giao 02 cháu Đặng Ngọc Minh T và Đặng Ngọc A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi cháu một tháng là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H trình bày vì lương của ông một tháng 5.000.000 đồng nên ông chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi 01 cháu mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Xét thấy trách nhiệm nuôi con là của cha và mẹ, hiện tại ông H và bà T đều có công việc. mặc dù thu nhập tuy không cao nhưng ổn định và mức cấp dưỡng như ông Hiền đưa ra là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông H và bà T không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và

căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 01 tháng 10 năm 2018, bị đơn bà Trần Thị Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin hoãn phiên tòa vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Ông H và bà T đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ vào ngày 14 tháng 5 năm 2003 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông H và bà T đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cải vả nhau làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Theo xác minh tại địa phương mâu thuẫn vợ chồng ông H và bà T có xảy ra việc xô xác nhau được Công an xã H giải quyết. Ngoài ra, ông H và bà T cũng thừa nhân trước đây vợ chồng đã nhiều lần gởi đơn xin ly hôn nhưng lại rút về tiếp tục chung sống nhưng vẫn không thể hòa hợp được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Ông H có nguyện vọng nuôi cháu Đặng Ngọc Minh T, bà T có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu Đặng ngọc Minh T và Đặng Ngọc A. Cả ông H và bà T đều có việc làm và thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, các cháu T và A có nguyện vọng xin được ở với mẹ, các tình tiết này là rõ ràng theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng không phản đối. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu một tháng là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H không đồng ý và cho rằng vì lương của ông một tháng là 5.000.000 đồng nên ông chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi 01 cháu mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Xét thấy, việc nuôi dạy con chung là nghĩa vụ của cha mẹ, thu nhập hằng tháng của ông H khoảng 5.000.000 đồng nên chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con của ông H đưa ra là phù hợp và ông H có nghĩa vụ đóng góp nuôi cháu Đặng Ngọc A mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T khai tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án can thiệp nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án thì ông H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đặng Ngọc H đối với bà Trần Thị Minh T.

1. Về hôn nhân: Cho ông Đặng Ngọc H được ly hôn với bà Trần Thị Minh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Đặng Ngọc Minh T, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2003 và Đặng Ngọc A, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2009 cho bà Trần Thị Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu (T và A) đủ 18 tuổi.

Ông Đặng Ngọc H có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Ngọc A mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng y) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trần Thị Minh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đặng Ngọc H không đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Ngọc A số tiền trên, thì hằng tháng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có sự thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Đặng Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 11132 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông. Đặng Ngọc H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- ***Về quyền kháng cáo:*** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái